

Bản án số: 274/2022/DS-PT

Ngày: 30 - 6 - 2022

V/v tranh chấp Ca thừa kế quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tăng;
Bà Nguyễn Thị Võ Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện K sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Phan Trung Quốc – K sát viên.

Hôm nay, ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2022/TLPT-DS ngày 22/4/2022 về Tranh chấp Ca thừa kế quyền sử dụng đất;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 200/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Huỳnh Mộng T, sinh năm 1951;

2. Huỳnh Thị N, sinh năm 1937 (Chết 24/12/2021);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị N:

2.1. Nguyễn Thị T, sinh năm 1966 (Con bà N);

2.2. Nguyễn Thị H, sinh năm 1968 (Con bà N);

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H là: Bà Huỳnh Mộng T, sinh năm 1951. Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã An Hòa, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/01/2022).

3. Nguyễn Thị T P, sinh năm 1960 (Con bà Châu);

Địa chỉ: Khóm 3, phường An Thạnh, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T P là: Bà Huỳnh Mộng T, sinh năm 1951. Địa chỉ: Ấp 1, xã An Hòa, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/12/2019).

4. Nguyễn Thị Lan C (T P), sinh năm 1963 (Con bà Châu, chết 15/02/2021);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Lan C:

4.1. Nguyễn D, sinh năm 1962 (Chồng bà C, vắng mặt);

4.2. Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1985 (Con bà C);

4.3. Nguyễn D, sinh năm 1993 (Con bà C);

Cùng địa chỉ: Số nhà 1/1B, ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Minh T, anh Nguyễn Di là: Bà Huỳnh Mộng T, sinh năm 1951. Địa chỉ: Ấp 1, xã An Hòa, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 29/3/2021).

5. Nguyễn Quốc D, sinh năm 1966 (Con bà Châu, xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 1, xã An Hòa, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:*

Huỳnh Văn K, sinh năm 1928;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn K là: Anh Trần Huỳnh Võ, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tổ 4, Khóm 1, Phường 11, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Huỳnh Trí T, sinh năm 1971 (Vắng mặt);

2. Huỳnh Thị K, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã An Hòa, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo*: Ông Huỳnh Văn K là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn:

+ Bà Huỳnh Mộng T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T P, chị Nguyễn Thị Minh T và anh Nguyễn Di trình bày:

Cha, mẹ bà là ông Huỳnh Văn Kính và bà Lê Thị Thanh sinh được 4 người con gồm: Huỳnh Thị N, Huỳnh Văn K, Huỳnh Mộng T và Huỳnh Mỹ Châu. Cha bà chết năm 1993, mẹ bà chết năm 2001. Bà Châu chết năm 2018, bà Châu có 3 người con gồm: Nguyễn Thị T P, Nguyễn Thị Lan C (T P) và Nguyễn Quốc D. Lúc cha, mẹ bà còn sống có khai mở được 1 phần đất thổ cư và đất rẫy cụ thể như sau: Phần đất thổ cư (Phía trong lộ làng) là cái ao Cèu ngang 15,5 mét, Cèu dài khoảng 25m. Phần đất rẫy (Phía ngoài lộ làng) Cèu ngang 15,5 mét, Cèu dài từ lộ làng thẳng xuống sông khoảng 85 mét, trong đó có căn nhà của cha, mẹ bà. Lúc còn sống, toàn bộ phần đất trên do cha, mẹ, bà, bà N và bà Châu quản lý, sử dụng. Sau khi cha, mẹ bà chết, phần đất ao và phần đất rẫy do ông K quản lý và sử dụng. Do cha, mẹ bà chết không để lại di chúc và cũng không phân Ca phần đất ao và đất rẫy lại cho ai.

Vì vậy, bà yêu cầu Ca thừa kế phần đất của cha, mẹ bà để lại nêu trên Tộc thừa đất số 132, tờ bản đồ số 4 hiện trong sổ mục kê do ông Huỳnh Văn Kính là cha bà đứng tên cho bà và các Nguyên đơn được hưởng phần đất ao có diện tích là 414,1m² và cây trồng trên đất. Bà thống nhất giao lại toàn bộ phần đất rẫy có diện tích là 1.138m² cho ông K quản lý và sử dụng. Phần của bà, bà N và bà Châu sẽ tự thỏa Tận phân Ca với nhau. Đối với phần đất có căn nhà trong phạm vi các mốc M3, M4, MP, M10, MF, MG, MH, M3 Tộc thừa 132 lúc còn sống cha, mẹ bà đã cho bà Châu nay bà thống nhất giao phần đất và căn nhà của cha, mẹ bà cho các con bà Châu quản lý và sử dụng, bà không tranh chấp.

+ Ông Nguyễn Quốc D trình bày:

Thống nhất theo ý kiến của bà T, yêu cầu Ca thừa kế phần đất của ông Kính và bà Thanh để lại là phần đất ao và phần đất rẫy theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn ông Huỳnh Văn K trình bày:

Phần đất bà T yêu cầu Ca thừa kế hiện nay gồm có 2 phần: Phần đất ao và phần đất rẫy. Hai Phần đất trên có nguồn gốc là của ông Huỳnh Văn Kính và bà Nguyễn Thị Thanh (Cha, mẹ của ông K, bà T, bà N và bà Châu). Năm 1955, ông cùng với cha, mẹ bắt đầu đào ao nuôi cá, lấy đất làm nền nhà (Nhà ông hiện nay), còn phần đất bãi bồi thì hàng năm trồng rẫy. Trong quá trình sử dụng đất hàng năm ông làm sạch đáy ao rồi lấy bùn ao đắp nền nhà cho cao thêm. Trên bờ ao ông trồng hoa màu, cây ăn trái, dưới ao nuôi cá, mua bán cá tra để lo cho cha, mẹ, chị và các em. Về phần đất bãi bồi cũng là đất tông C để lại nhưng công sức của bản thân ông đổ vào đó rất nhiều như san lấp lại cho bằng phẳng. Cha mẹ thấy ông cực khổ nên cũng đã cho phần đất bãi bồi để ông trồng rẫy.

Hai phần đất này ông là người đang sở hữu và trực tiếp sử dụng từ năm 1955 cho đến nay, nhưng chưa được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông không đồng ý Ca thừa kế theo yêu cầu của các Nguyên đơn. Vì phần đất trên ông đã được cha, mẹ cho. Ông yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hai phần đất trên.

Đối với phần đất và căn nhà có trên đất trong phạm vi các mốc M3, M4, MP, M10, MF, MG, MH, M3 Tộc thửa 132 lúc còn sống cha, mẹ ông đã cho bà Châu, nên ông thống nhất giao phần đất và căn nhà của cha, mẹ cho các con bà Châu quản lý và sử dụng, ông không tranh chấp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Huỳnh Thị K trình bày:

Hiện nay bà đang quản lý phần đất ao tranh chấp giữa bà T với cha bà (Ông K). Phần đất ao này là của cha bà giao cho bà quản lý nuôi cá. Đây là đất của cha bà chứ không phải đất của bà, nên bà không có ý kiến hay tranh chấp gì đối với phần đất ao này. Đề nghị Tòa án giải quyết giao phần đất trên lại cho cha bà.

+ Ông Huỳnh Trí T trình bày:

Hiện nay ông đang quản lý và sử dụng phần đất bãi bồi, phía sau nhà của ông, bà nội ông (Bà Thanh) phần đất bãi bồi này đang tranh chấp giữa bà T với cha ông (Ông K) là của cha ông giao cho ông quản lý để trồng rẫy. Đây là đất của cha ông chứ không phải đất của ông, nên ông không có ý kiến hay tranh chấp gì đối với phần đất bãi bồi này. Đề nghị Tòa án giải quyết giao phần đất trên lại cho cha ông.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện T đã xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Ca thừa kế quyền sử dụng đất của bà Huỳnh Mộng T, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T P, ông Nguyễn Quốc D, bà Nguyễn Thị Minh T và ông Nguyễn Di đối với ông Huỳnh Văn K.

2/ Phân Ca phần tài sản của ông Huỳnh Văn Kính và bà Lê Thị Thanh chết để lại là phần đất có diện tích là 1.552,1m², Tộc thửa 132, tờ bản đồ số 04, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại xã An Hòa, huyện T cho bà Huỳnh Mộng T, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T P, ông Nguyễn Quốc D, bà Nguyễn Thị Minh T, ông Nguyễn Di và ông Huỳnh Văn K, cụ thể như sau:

- Giao cho bà Huỳnh Mộng T, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T P, ông Nguyễn Quốc D, bà Nguyễn Thị Minh T và ông Nguyễn Di được quản lý và sử dụng toàn bộ phần đất ao có diện tích là 414,1m² Tộc 1 phần thửa đất số 132, tờ bản đồ số 04 đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể như sau:

- Từ mốc M5 đo đến mốc M8 có Cều dài là 15,2 mét;
- Từ mốc M8 đo đến mốc M7 có Cều dài là 26,23 mét;
- Từ mốc M7 đo đến mốc M6 có Cều dài là 15,32 mét;
- Từ mốc M5 đo đến mốc M6 có Cều dài là 26 mét.

Tổng diện tích của các mốc M5, M6, M7, M8 là 414,1m².

Buộc ông Huỳnh Văn K và bà Huỳnh Thị K có trách nhiệm giao lại phần đất ao có diện tích là 414,1m² Tộc 1 phần thửa đất số 132, tờ bản đồ số

04 và toàn bộ phần cây trồng có trên phần đất trên cho bà Huỳnh Mộng T, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T P, ông Nguyễn Quốc D, bà Nguyễn Thị Minh T và ông Nguyễn Di quản lý và sử dụng.

- Giao cho ông Huỳnh Văn K được quản lý và sử dụng phần đất rẫy có diện tích là 1.138m² Tộc 1 phần thửa đất số 132, tờ bản đồ số 04, đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể như sau:

- Từ mốc M3 đo đến mốc M10 có Cều dài là 15,3 mét;
- Từ mốc M3 đo đến mốc MA có Cều dài là 66,52 mét;
- Từ mốc MA đo đến mốc ME có Cều dài là 14,39 mét;
- Từ mốc ME đo đến mốc M10 có Cều dài là 75,87 mét.

Tổng diện tích của các mốc M3, M10, ME, MA là 1.138m²

Theo sơ đồ đo đạc ngày 16/ 11/2020 của Công ty TNHH dịch vụ và đo đạc Bảo Long và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án.

3/ Bà Huỳnh Mộng T, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T P, ông Nguyễn Quốc D, bà Nguyễn Thị Minh T, ông Nguyễn Di và ông Huỳnh Văn K được đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với phần đất đã được Ca theo quy định.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, C phí tố tụng khác, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/03/2022 ông Huỳnh Văn K làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số: 04/2022/DS-ST ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện T.

+ Không chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

+ Chấp nhận cho ông được quyền đăng ký quyền sử dụng đất và quản lý sử dụng toàn bộ thửa 132, tờ bản đồ số 04, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cha mẹ ông tặng cho ông quản lý sử dụng từ năm 1975 đến nay.

+ Yêu cầu xem xét bổ sung phần đất trong phạm vi các mốc M3, M4, MP, M10 có diện tích 331,3m² cùng nằm chung thửa đất với thửa đất 132, tờ bản đồ số 04 đã được đo đạc theo sơ đồ đo đạc vụ án.

+ Đưa bà Huỳnh Thị Than, sinh năm 1944, địa chỉ: Ấp 1, xã An Hòa, huyện T vào tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Huỳnh Văn K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa Tân được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vị đại diện Viện K sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến Viện K sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Huỳnh Văn Kính (Chết năm 1993) và bà Lê Thị Thanh (Chết 19/10/2001) là vợ chồng, sinh được 4 người con gồm: Huỳnh Thị N, Huỳnh Văn K, Huỳnh Mộng T và Huỳnh Mỹ Châu. Bà N (Chết 24/12/2021) có 2 người con gồm: Bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị H; Bà Châu (Chết 22/9/2018) có 3 người con gồm: Bà Nguyễn Thị T P, bà Nguyễn Thị Lan C và ông Nguyễn Quốc D. Bà C (Chết 15/02/2021) có 2 người con gồm: Bà Nguyễn Thị Minh T và ông Nguyễn Di là những người thừa kế của ông Kính và bà Thanh.

[2] Phần diện tích đất các bên yêu cầu Ca thừa kế Tộc thừa 132, tờ bản đồ số 4, gồm có 2 phần: Phần đất ao có diện tích là 414,1m² và phần đất trồng rẫy có diện tích là 1.138m², chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Các Nguyên đơn yêu cầu Ca thừa kế phần đất nêu trên là có căn cứ. Bởi vì, tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đều thừa nhận phần đất tranh chấp Tộc thừa 132, tờ bản đồ số 04, có nguồn gốc là của ông Huỳnh Văn Kính

và bà Lê Thị Thanh tạo lập. Mặt khác, tại Công văn số: 1487/UBND-NC ngày 28/10/2020 của Ủy ban nhân dân huyện T cũng xác nhận: Phần đất tranh chấp giữa bên bà T và ông K Tộc thừa 132, tờ bản đồ số 04, do ông Huỳnh Văn Kính đứng tên trong sổ mục kê. Như vậy, có căn cứ xác định phần đất tranh chấp là của ông Kính và bà Thanh. Ông K cho rằng phần đất tranh chấp lúc còn sống ông Kính và bà Thanh đã cho ông phần đất này. Nhưng ông không có chứng cứ gì để chứng minh là ông đã được cho đất. Do ông Kính và bà Thanh chết không để lại di chúc và cũng chưa được ông Kính và bà Thanh phân Ca cho các con. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu của các Nguyên đơn là có căn cứ, phù H với quy định của pháp luật.

[4] Căn cứ vào biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày... thì diện tích đất tranh chấp là 1.552,1m². Phía Nguyên đơn chỉ yêu cầu được Ca phần đất ao có diện tích là 414,1m² cùng các cây trồng trên phần đất này và đồng ý giao lại toàn bộ phần đất trồng rẫy có diện tích là 1.138m² cho Bị đơn sử dụng. Căn cứ vào biên bản định giá tài sản ngày 17/3/2021 thể hiện: Phần đất Ao có giá là 55.000đ/m² x 414,1m² = 22.775.500đ, phần cây trồng trên phần đất Ao có giá là 21.420.000đ, tổng cộng là 44.195.500đ. Phần đất trồng rẫy có giá là 60.000đ/m² x 1.138m² = 68.280.000đ. Tòa án cấp sơ thẩm Ca thừa kế cho các Nguyên đơn 414,1m² đất ao cùng các cây trồng trên phần đất này và Ca cho Bị đơn 1.138m² đất trồng rẫy là phù H, có lợi cho ông K và để Tận tiện cho các đương sự sử dụng đất có hiệu quả.

Vì vậy, ông K kháng cáo yêu cầu được sử dụng toàn bộ diện tích đất Tộc thừa 132, tờ bản đồ số 04 nêu trên là không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Xét việc ông K kháng cáo yêu cầu đưa bà Huỳnh Thị Than vào tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại Tòa án cấp sơ thẩm các đương sự và bà Than cũng không có yêu cầu đưa bà Than vào tham gia tố tụng nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể đưa bà Than vào tham gia tố tụng trong vụ án. Sau này nếu có tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Xét ý kiến của vị đại diện Viện K sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ nội dung đơn kháng cáo của ông Huỳnh Văn K, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn K, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Để Tận tiện cho việc thi hành án Hội đồng xét xử điều chỉnh lại cách tuyên án.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông K phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148, Điều 91, Điều 157, Điều 165, Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 609, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651 của Bộ luật Dân sự; Điều 100, Điều 166, Điều 167, Điều 203 Luật Đất đai, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn K.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện T.
3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Ca thừa kế quyền sử dụng đất của bà Huỳnh Mộng T, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T P, ông Nguyễn Quốc D, chị Nguyễn Thị Minh T và anh Nguyễn Di đối với ông Huỳnh Văn K.
4. Giao cho bà Huỳnh Mộng T, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T P, ông Nguyễn Quốc D, chị Nguyễn Thị Minh T và anh Nguyễn Di được quyền sử dụng 414,1m² đất ao, Tộc 1 phần thửa 132, tờ bản đồ số 04, tại xã An Hòa, huyện T và được sở hữu toàn bộ cây trồng có trên đất, trong phạm vi các mốc MI, M5, M6, MJ, MK, ML, M7, M8, M9, MM, MN, MO, MI.
5. Buộc ông Huỳnh Văn K và bà Huỳnh Thị K có nghĩa vụ giao lại cho bà Huỳnh Mộng T, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T P,

ông Nguyễn Quốc D, chị Nguyễn Thị Minh T và anh Nguyễn Di 414,1m² đất ao, Tộc 1 phần thửa đất số 132, tờ bản đồ số 04, tại xã An Hòa, huyện T và toàn bộ phần cây trồng có trên đất, trong phạm vi các mốc MI, M5, M6, MJ, MK, ML, M7, M8, M9, MM, MN, MO, M5, MI.

6. Giao cho ông Huỳnh Văn K được quyền sử dụng 1.138m² đất rẫy Tộc 1 phần thửa đất số 132, tờ bản đồ số 04, tại xã An Hòa, huyện T, trong phạm vi các mốc M3, MH, MG, MF, M10, M11, M12, ME, MD, MC, MB, MA, M1, M13, M3.

(Kèm theo theo Sơ đồ đo đạc ngày 16/11/2020 của Công ty TNHH dịch vụ và đo đạc Bảo Long và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày ... của Tòa án).

Bà Huỳnh Mộng T, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T P, ông Nguyễn Quốc D, chị Nguyễn Thị Minh T, anh Nguyễn Di và ông Huỳnh Văn K được đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần đất đã được Ca theo quy định của pháp luật. Mục đích sử dụng đất theo kê khai đăng ký của các đương sự và phải chịu C phí phát sinh (Nếu có) theo quy định của pháp luật.

7. Về C phí xem xét, thẩm định tại chỗ và C phí định giá tài sản:

Bà Huỳnh Mộng T tự nguyện chịu toàn bộ (Đã nộp xong).

8. Về án phí:

+ Ông Huỳnh Văn K phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm và được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0003568 ngày 09/3/2022 của C cục Thi hành án Dân sự huyện T.

+ Bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị H liên đới chịu 736.500đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Nguyễn Di liên đới chịu 245.500đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường H bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi Nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Phòng KTNV- THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT (N).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Sỹ Danh Đạt